

Số: /KH-UBND Sơn Nham, ngày tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Vv triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Sơn Nham

Thực hiện Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 12/9/2024 của UBND huyện Sơn Hà về triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Hà (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13-NQ/TU) và Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 10/10/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về chuyển đổi số huyện Sơn Hà đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 06-NQ/HU), Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU trên địa bàn xã Sơn Nham, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu và nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TU và Nghị quyết số 06-NQ/HU nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, người dân và doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, từ đó tạo sự chuyển biến tích cực về hành động.

- Chuyển đổi số lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; lĩnh vực nào người dân, doanh nghiệp cần thì tập trung chuyển đổi số trước; đổi mới tư duy, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Yêu cầu

Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TU và Nghị quyết số 06-NQ/HU, tạo sự chuyển biến thực chất, mạnh mẽ về chuyển đổi số trên địa bàn xã đạt kết quả cao nhất; đồng thời, đảm bảo an toàn thông tin mạng là yếu tố then chốt, xuyên suốt và không thể tách rời trong quá trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung, nền tảng số được kết nối, chia sẻ trên

toàn xã và kết nối với ban, ngành huyện, tỉnh; từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND xã ứng dụng dữ liệu số trong quản lý, điều hành; cung cấp dữ liệu mở để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, triển khai trên nhiều phương thức truy cập khác nhau.

- Trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình và đạt 100% cấp xã; xã Sơn Nham không còn vùng lùm sóng di động.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Trên 60% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

- Trên 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Về chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xã ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều

hành.

- Trên 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và dịch vụ mạng di động 4G, 5G.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh, có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Trên 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Trên 80% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

III. NHIỆM VỤ CHUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới tư duy và thống nhất nhận thức

- Người đứng đầu trong xã tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số; lấy kết quả việc triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động.
- Tổ chức các khóa học, trao đổi về chuyển đổi số với người dân để trả lời câu hỏi làm sao để thực hiện chuyển đổi số. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào góp ý, theo dõi và được hưởng kết quả từng bước của chuyển đổi số.
- Tăng cường thiết lập môi trường số từ cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ thông tin, cung cấp môi trường tương tác, thông qua đó người dân được trải nghiệm.

2. Phát triển hạ tầng số

Thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nhiệm vụ trọng tâm:

2.1. Hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin

- Sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng xã thống nhất, đồng bộ và tin

cây phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh.

- Phối hợp phát triển mạng cáp quang kết nối giữa các vùng, khu vực hành chính, đô thị, công nghiệp; đảm bảo dung lượng và tốc độ kết nối cáp quang băng thông rộng đến hộ gia đình theo chỉ tiêu và nhu cầu ứng dụng.

- Tạo mọi thuận lợi để các doanh nghiệp xây dựng các công trình viễn thông cho mục tiêu phát triển mạng 5G tại xã.

2.2. Hạ tầng Internet vạn vật (IoT)

- Phối hợp phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như an ninh, giao thông, môi trường, năng lượng, phòng chống lụt bão,... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Phối hợp bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số; từng bước xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau, phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển.

2.3. Hạ tầng dữ liệu

- Hạ tầng dữ liệu cần đảm bảo được nhu cầu cung cấp và khai thác thông tin từ các hệ thống bên ngoài, từ hệ thống thông tin của bộ, ngành Trung ương.

3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số

3.1. Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu

Phối hợp đẩy mạnh tích hợp các nguồn dữ liệu của xã trên hệ thống chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh; tích hợp dữ liệu và chia sẻ dữ liệu (LGSP), Nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tập trung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc ICT Đô thị thông minh tỉnh; từng bước hoàn thiện quy trình tích hợp và xử lý dữ liệu hiện có, hướng đến xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu, dữ liệu mở của tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Nền tảng IoT

Phối hợp triển khai Nền tảng IoT của tỉnh Quảng Ngãi trên địa bàn xã để đảm bảo các nhu cầu về giám sát, tích hợp và khai thác dữ liệu; phân luồng xử lý và chuyển đến đúng những ứng dụng khai thác. Từ các cảm biến IoT, việc tái sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau nhằm đem lại hiệu quả tối ưu về đầu tư.

3.3. Nền tảng trí tuệ nhân tạo

- Trong giai đoạn 2025-2030, phối hợp thực hiện thiết lập các Nền tảng trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng tham gia các giao dịch với cơ quan nhà nước của người dân.

3.4. Nền tảng số hóa dùng chung

- Triển khai thực hiện thiết lập Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa để thực hiện chức năng kết nối giữa các đơn vị có nhu cầu với các đơn vị (doanh nghiệp) cung cấp dịch vụ số hóa.

- Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa cần đảm bảo việc kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại cơ quan và các kho dữ liệu trong hệ sinh thái Kho dữ liệu dùng chung; đảm bảo năng lực lưu trữ tài liệu được số hóa, bao gồm dữ liệu số hóa từ các nguồn tài liệu và dữ liệu số hóa được sinh ra trong hoạt động của cơ quan nhà nước (văn bản, kết quả giải quyết TTHC, dữ liệu kinh tế - xã hội) phục vụ cho việc quản lý, khai thác.

3.5. Thiết lập, kết nối, khai thác Nền tảng định danh và xác thực điện tử

Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai Nền tảng định danh và xác thực điện tử - là nền tảng lõi của hoạt động chính quyền số, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động Chuyển đổi số các cấp, các ngành.

3.6. Phát triển, khai thác các Nền tảng số khác

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục vận hành khai thác các Nền tảng số đã được thiết lập; đẩy mạnh triển khai Chương trình thúc đẩy sử dụng Nền tảng số quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi; đưa vào ứng dụng các nền tảng liên quan đến phục vụ người dân như: Nền tảng đào tạo trực tuyến, Nền tảng khám chữa bệnh từ xa, Hệ thống điều hành thông minh mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

- Triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho cơ quan nhà nước từ cấp xã đến cơ sở. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Phối hợp triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan.

- Triển khai thường xuyên, hằng năm Chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đối với các cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp với nội dung cập nhật theo sự thay đổi từ không gian mạng.

5. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng chính quyền số

5.1. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan **thực hiện tích hợp các dịch vụ theo nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp; sử dụng một tài khoản đăng nhập một lần cho tất cả các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến, chỉ cung cấp thông tin một lần, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp nhiều lần; thông tin hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ do cơ quan nhà nước cung**

cấp được đầy đủ, thuận tiện.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia.

5.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Ứng dụng công nghệ số để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định, quy chế một cách tốt hơn; cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp theo mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn và nhanh hơn.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện từng bước hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh và hoàn thiện phần mềm ứng dụng tại cơ quan, đơn vị theo Kiến trúc Chính quyền điện tử/Chính quyền số. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và với các đơn vị khác để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo thường xuyên, hằng năm để nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số với tính đầy đủ, sẵn sàng về thông tin, dữ liệu.

5.3. Hoàn thiện công cụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu

- Tiếp tục phát triển, khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu xã nhằm giúp các cơ quan nhà nước giảm thời gian và nguồn lực khi cung cấp các dịch vụ mới cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông kết nối giữa các hệ thống thông tin của tỉnh.

5.4. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung

- Phối hợp tiếp tục phát triển Hệ thống các Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Quảng Ngãi với 04 nhóm chính:

+ Cơ sở dữ liệu cơ quan chính quyền: Gồm các CSDL chuyên ngành và dữ liệu qua xử lý bởi nền tảng phân tích, tổng hợp dữ liệu tập trung; các Kho dữ liệu theo kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020, Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 24/12/2020 của tỉnh.

+ Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp: Thực hiện tích hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, dữ liệu về thuế, dữ liệu về xuất nhập khẩu, hình thành một cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thống nhất, phục vụ cho nhu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Cơ sở dữ liệu về người dân: Trên cơ sở dữ liệu dân cư và cơ sở dữ liệu hộ tịch phát triển mở rộng tích hợp các dữ liệu liên quan đến người dân như: y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội, giao thông, an ninh trật tự...

+ Cơ sở dữ liệu nền địa hình, địa chính: Tiếp tục triển khai số hóa, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Thiết lập cơ sở dữ liệu nền địa lý, hình thành một bản đồ số nền dùng chung thống nhất; triển

khai Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS theo hướng dẫn của các sở ngành liên quan, Bộ Xây dựng tại Công văn số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022, phục vụ đa ngành, đa lĩnh vực.

5.5. Phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở của tỉnh Quảng Ngãi

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ **chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống, tăng trưởng kinh tế; khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội.**

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục **triển khai thực hiện Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND tỉnh ban hành Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.**

5.6. Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền

Các cơ quan ban, ngành, các hội đoàn thể trên địa bàn xã triển khai thực hiện số hóa với kết quả là hai loại dữ liệu, dữ liệu số (digital data) và dữ liệu văn bản (text data) theo mục tiêu lưu trữ, xử lý của 02 hệ thống sau đây:

- Hệ thống quản lý, điều hành bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử của xã, huyện, tỉnh và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Các hồ sơ điện tử về dịch vụ công cần được quản lý bằng các hệ thống quản lý hồ sơ; các loại công văn giấy tờ hành chính cần được hỗ trợ khai thác, sử dụng bởi các hệ thống khai thác văn bản.

6. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế số

Phấn đấu thực hiện theo các chỉ tiêu về kinh tế số theo các mô hình về làng số, làng thông minh, nông thôn mới, nông thôn mới thông minh theo Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025, Chỉ thị số 19/CT-TTG ngày 03/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã; trong đó lựa chọn các thôn có tiềm năng để thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023.

7. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển xã hội số

- Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, người lao động, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng của chuyển đổi số. Phối hợp tổ chức các hoạt động đào tạo, phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân, trong đó chú trọng hoạt động tương tác, trải nghiệm trên môi trường số, hoạt động thường xuyên, liên tục, không có điểm dừng.

- Cơ quan nhà nước triển khai các chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người

dân, người lao động trong việc sử dụng định danh cá nhân, chữ ký số, mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng, triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh, thiết bị số đến toàn dân; phát triển hạ tầng internet, phủ sóng di động đảm bảo nhu cầu truy cập; tạo lập môi trường số thuận lợi, tiện ích, thân thiện, an toàn cho người dân, người lao động tham gia hoạt động trên môi trường số.

- Thiết lập các kênh giao tiếp với người dân trên môi trường số để thông qua đó, cung cấp thông tin cho người dân, người lao động, triển khai các nhiệm vụ của mình có liên quan đến người dân; người dân phản ánh với chính quyền về các vấn đề của đời sống xã hội (y tế, giáo dục, an ninh an toàn, trật tự xã hội, vệ sinh môi trường...). Duy trì và phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng xã, thôn trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số phổ biến, thanh toán không dùng tiền mặt, tương tác trên các sàn thương mại điện tử để từng bước hình thành văn hóa số.

- Triển khai theo các chỉ tiêu về xã hội số theo các mô hình về làng số, làng thông minh, nông thôn mới, nông thôn mới thông minh theo Quyết định 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp lộ trình tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh; tổ chức thực hiện đại trà tại tất cả các thôn, xóm, khu dân cư trên địa bàn xã, trên cơ sở phát huy vai trò của Chính quyền, tổ chức Mặt trận, hội đoàn thể và Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai các Chương trình Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Chính phủ nhằm nâng cao năng lực số toàn diện với các yếu tố đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

8.1. Chuyển đổi số trong nông nghiệp

Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại khoản 4, mục VIII, Quyết định số 749/QĐ-TTg của Chính phủ; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 03/6/2023 của Chính phủ về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã; Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử; đạt các chỉ tiêu, hoàn thành tốt nhiệm vụ đặt ra tại Quyết định số 906/QĐ- UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, Quyết

định số 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

8.2. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ, phân chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 21/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 12/9/2024 của UBND huyện gồm các nhiệm vụ sau:

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến, học sinh, nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến, chú trọng sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến, xây dựng và khai thác kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến, tăng cường tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến ở các cấp bậc học.

- 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu quốc gia về dân cư và công nghệ số.

- Hệ thống thông tin quản lý giáo dục toàn ngành được thiết lập, nâng cấp và vận hành hiệu quả.

- Phát triển dịch vụ hỗ trợ người học, người dân (phụ huynh), gồm triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình dựa trên sự hài lòng của học sinh và phụ huynh, sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khác trong xã hội.

8.3. Chuyển đổi số trong y tế

Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ (phần chuyển đổi trong lĩnh vực y tế); Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 12/9/2024 của UBND huyện gồm các mục tiêu trong lĩnh vực y tế như sau:

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của Trạm y tế xã để hoạt động trên môi trường số với bệnh án điện tử. Trạm y tế thiết lập cơ sở dữ liệu của mình theo Luật khám, chữa bệnh phục vụ cho khám chữa bệnh, cung cấp dữ liệu cho trung tâm dữ liệu y tế, chú trọng tính đáp ứng khả năng khai các hệ thống dữ liệu chuyên ngành.

- Phát triển các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả. Phần

mềm quản lý hoạt động của trạm y tế xã có đầy đủ chức năng, kết nối dữ liệu với các bệnh viện tuyến trên để làm cơ sở cho khám chữa bệnh từ xa. **Đến năm 2025, đảm bảo 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, 100% cơ sở khám chữa bệnh có dịch vụ chăm sóc, khám chữa bệnh từ xa.**

- Triển khai hệ thống thu thập dữ liệu y tế và sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu khám chữa bệnh, quản lý thuốc, nhân lực, trang thiết bị, nhất là phục vụ lĩnh vực y tế dự phòng.

8.4. Chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên, môi trường

- Từng bước hình thành bản đồ tài nguyên, hệ thống thông tin quản lý tài nguyên thuộc phạm vi quản lý phục vụ đa ngành, đa lĩnh vực.

- Thiết lập các nền tảng số về trạng thái ô nhiễm để có giải pháp xử lý phù hợp; thiết lập công cụ giám sát liên tục đối với các “điểm nóng” về môi trường.

8.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội

- Tập trung triển khai các ứng dụng, nền tảng số, công nghệ số phù hợp nhằm đảm bảo vai trò, trách nhiệm của toàn dân trong hợp tác, chấp hành mọi quy định trong di chuyển, lao động, cư trú an toàn; được cung cấp, tương tác thông tin bảo vệ an toàn trong cuộc sống với lực lượng chức năng.

- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ các nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Giao công chức Tài chính – Kế toán lập dự toán gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ kinh phí thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã

Giúp UBND xã chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Nghiên cứu, tham mưu UBND xã đề xuất, kiến nghị UBND huyện về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của xã và huyện hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này và hoạt động chuyển đổi số của xã.

2. Văn hoá – Xã hội

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch để tham vấn cơ quan chuyên môn cấp trên, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo

Chuyển đổi số xã, Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định; định kỳ 06 tháng, năm tham mưu, tổng hợp báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá về kết quả triển khai thực hiện.

- Tổ chức triển khai công tác truyền thông các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch.

3. Tài chính – Kế toán

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã quyết định bố trí nguồn kinh phí hằng năm (từ nguồn ngân sách xã, huyện, các chương trình mục tiêu quốc gia...) để thực hiện các chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Văn hoá – Xã hội, các cơ quan, đơn vị lập dự toán, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn vốn chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối của xã.

4. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, thôn, hộ gia đình, Tổ Công nghệ số cộng đồng xã, thôn và các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU và Nghị quyết số 06-NQ/HU trên địa bàn xã Sơn Nham. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, các cá nhân, tổ chức chủ động đề xuất, gửi công chức Văn hoá – Xã hội tổng hợp trình UBND xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- BCĐ Chuyển đổi số huyện (báo cáo);
- Phòng Văn hoá – Thông tin;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Sen

PHỤ LỤC

**Một số nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU
ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về chuyển đổi số
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
trên địa bàn xã Sơn Nham**

(Kèm theo Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 19/9/2024 của UBND xã)

TT	Nội dung	Chủ trì	Thời gian thực hiện
I	Nhóm nhiệm vụ chung		
1	Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch; các quy trình, quy chế áp dụng theo nội dung Kế hoạch này theo điều phối của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số xã	Văn hoá – Xã hội	Hàng năm
2	Truyền thông về chương trình và kết quả thực hiện chuyển đổi số của xã	Văn hoá – Xã hội; Đài truyền thanh xã	Thường xuyên
3	Thiết lập môi trường số, tăng cường giao tiếp giữa cơ quan chính quyền các cấp với người dân, người lao động	Văn phòng – Thống kê	2024-2025
4	Thiết lập Nền tảng số hóa dùng chung	UBND xã	2025-2030
5	Thiết lập, kết nối, khai thác Nền tảng định danh và xác thực điện tử	Công an xã	2024-2030
II	Phát triển chính quyền số		
6	Tiếp tục tham gia phát triển Hệ thống dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng – Thống kê	2026-2030
7	Số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020, Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh	Văn phòng – Thống kê	Hoàn thành trong năm 2025
8	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân	Văn phòng – Thống kê	Hàng năm
9	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước	Văn phòng – Thống kê	2024-2030
III	Nhóm phát triển kinh tế số		
10	Triển khai Chuyển đổi đối với tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thực hiện theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ	Văn hoá – Xã hội	Hàng năm
IV	Phát triển xã hội số		

11	Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, tổ chức các hoạt động phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân	Văn hoá – Xã hội; Đài truyền thanh	Hằng năm
12	Tạo điều kiện và phát triển hạ tầng mạng; phổ cập thiết bị di động	UBND xã	2024-2025
13	Thiết lập các kênh giao tiếp giữa cơ quan chính quyền với người dân trên môi trường số	Văn hoá – Xã hội	2024-2030
14	Triển khai mô hình về nông thôn mới, nông thôn mới thông minh (đại trà)	Tổ CNS Cộng đồng xã, thôn	2024-2030
V	Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực		
15	Chuyển đổi số trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội	Công an xã	2024-2030